

Bản án số: 75/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô

2. Ông Phạm Quang Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2014/TLST-DS ngày 04/4/2014 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn Đ - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ; địa chỉ: Số 226 Quốc lộ 15, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1947; địa chỉ: Số 99 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

2.2. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 101 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

2.3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1940; địa chỉ: Số 100 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

2.4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 89 tổ 3, ấp 3, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

2.5. Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Phan Thị L), sinh năm 1952; địa chỉ: Số 8/24 tổ 5, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1941; địa chỉ: Số 8/24 tổ 5, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

3.2. Ông Nguyễn Văn X1, sinh năm 1934; địa chỉ: Số 89 tổ 3, ấp 3, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Đã chết ngày 05/4/2013);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông X1:

+ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 89 tổ 3, ấp 3, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm, 1975, địa chỉ: Số nhà 001 tổ 3, ấp V, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

+ Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp 3, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

+ Ông Nguyễn Phi C1, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 93/57 tổ 1, khu phố 9, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

+ Bà Trần Thị H8, sinh năm 1970. Có đơn xin vắng mặt;

+ Bà Trần Thị T5, sinh năm 1974. Có đơn xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số D13/25 ấp 4A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Bà Nguyễn Ngọc Minh C2, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 93/57 tổ 1, khu phố 9, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

3.3. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1940; địa chỉ: Số 99 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

3.4. Bà Đỗ Thị H3, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 101 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

3.5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

3.6. Bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác: T); sinh năm 1962; địa chỉ: địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

3.7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 2, Ấp 5, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin vắng mặt;

3.8. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

3.9. Ông Bò Văn T1, sinh năm 1975. Có đơn xin vắng mặt;

3.10. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977. Có đơn xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số nhà 67A/5 khu phố 4, phường A, thị xã Th, tỉnh Bình Dương.

3.11. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

3.12. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 100 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

3.13. Bà Nguyễn Thị G2 (Đ), sinh năm 1973; địa chỉ: Số 100 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;

3.14. Bà Nguyễn Ngọc H4, sinh năm 1960;

3.15. Bà Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1967;

3.16. Ông Nguyễn Thành D2, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Tổ 4, khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3.17. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1977 (Đã chết ngày 12/12/2013, ông T2 không có vợ con);

3.18. Ông Hồ Văn Tr, sinh năm 1978;

3.19. Bà Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Ngọc H4, bà Nguyễn Ngọc D1, ông Nguyễn Thành D2, ông Hồ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Thu H5 cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 25/10/2013). Có mặt.

3.20. Bà Nguyễn Thị Kim S2, sinh năm 1970. Có đơn xin vắng mặt;

3.21. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1947. Có đơn xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 299 tổ 6, ấp 4, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

3.22. Bà Nguyễn Hồng L2, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt;

3.23. Ông Trần Hoàng L3, sinh năm 1976. Có mặt;

3.24. Bà Dương Thị B1, sinh năm 1980. Có đơn xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3.25. Bà Trương Thị Thu H6, sinh năm 1982. Có đơn xin vắng mặt;

- 3.26. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1983. Có đơn xin vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- 3.27. Ông Lê Văn P1, sinh năm 1984. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.28. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1987. Có đơn xin vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.
- 3.29. Bà Nguyễn Bảo Y, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: 232 ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thanh V thuộc tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.30. Ông Chử Văn Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: 106 – B1, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Băng Th1, sinh năm 1962; nơi thường trú: P5 – nhà 3, Tập thể B, phường Đ, quận Đ, Thành phố Hà Nội; tạm trú: Phòng 201, số nhà 33 đường B, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt;
- 3.31. Ông Mã Văn Ng, sinh năm 1985. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.32. Bà Chiu Sây L4, sinh năm 1979. Có đơn xin vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- 3.33. Ông Dương Văn T3, sinh năm 1965. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.34. Bà Phạm Thị H7, sinh năm 1967. Có đơn xin vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- 3.35. Ông Ngô Văn T4, sinh năm 1967. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.36. Bà Đỗ Thị B2, sinh năm 1968. Có đơn xin vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- 3.37. Ông Ngô Văn Đ1, sinh năm 1936; địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.38. Bà Phạm Thị H8, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.39. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.40. Ông Nguyễn Văn L5, sinh năm 1980. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.41. Bà Đoàn Thị Quỳnh Gi, sinh năm 1978. Có đơn xin vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- 3.42. Bà Trương Thị S1, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt;
- 3.43. Ủy ban nhân dân thị xã T; địa chỉ: Khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồng T; chức vụ:

Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T (Giấy ủy quyền số 2463/GUQ-UBND ngày 21/10/2014). Có đơn xin vắng mặt đề ngày 27/10/2014.

3.44. Ông Phạm Việt Ch1, sinh năm 1965; địa chỉ thường trú: Số 249/7 đường L, tổ 2, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

3.45. Văn phòng công chứng U (nay là Văn phòng công chứng Trần Hữu Đ); địa chỉ: Thửa 05 Lô A Khu dân cư thương mại U, đường số 13, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

3.46. Văn phòng công chứng Trần Thanh V; địa chỉ: Số 331 đường Trần Hưng Đ, khu phố Tây A, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3.47. Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Nhi Đ; chức vụ: Chủ tịch UBND phường T. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:

Cụ Phan Thị T5 (bà ngoại của ông N, chết năm 2000) có chồng tên Nguyễn Văn T6 (chết trước năm 1975), ông T6 và bà T5 có 07 người con gồm:

1. Ông Nguyễn Văn B3 đã chết năm 1968, có vợ là bà Nguyễn Thị U (đã chết năm 1998). Ông B và bà U có 05 người con gồm: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị G (tên gọi khác: T), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Ch;

2. Ông Nguyễn Văn X2 đã chết năm 1994, ông X2 có vợ là bà Nguyễn Thị D. Ông X2 và bà D có 05 người con gồm: Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn T7 (chết lúc chưa có vợ con), Nguyễn Thị Đ2 (chết lúc chưa có chồng con), Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị G2 (Đ) và Nguyễn Thị B;

3. Bà Nguyễn Thị X3 đã chết năm 2002, bà X3 có chồng là ông Nguyễn Văn H9 đã chết năm 2010. Bà X3 và ông H9 có 05 người con gồm: Nguyễn Ngọc H4, Nguyễn Thành N (nguyên đơn), Nguyễn Ngọc D1, Nguyễn Thành D2 và Nguyễn Thành T2 (ông T2 đã chết năm 2013, chết lúc chưa có vợ con);

4. Ông Nguyễn Văn X4 đã chết năm 1972. Ông X4 có vợ tên Nguyễn Thị Ph. Ông X4 và bà Ph có 02 người con tên Nguyễn Thị Kim S2 và Nguyễn Hồng L2;

5. Ông Nguyễn Văn X;

6. Bà Nguyễn Thị M;

7. Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Phan Thị L).

Khi còn sống, bà T5 khai phá được diện tích đất 5.571m² tọa lạc tại xã P (nay là phường T), huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương đến năm 2000 thì bà T5 chết, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2006, ông X chia diện tích đất 5.571m² nêu trên cho các đồng thừa kế khác và có hứa cho các con của bà X3 một nền nhà nhưng không thực hiện. Sau khi chia đất cho

các đồng thừa kế thì UBND huyện (nay là thị xã) T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được chia, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01247, ngày 05/01/2007 công nhận cho ông Nguyễn Văn Ch và vợ là bà Đỗ Thị H3 được quyền sử dụng thửa đất số 1143, tờ bản đồ số 24, diện tích 706m² tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01237, ngày 05/01/2007 công nhận cho bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 383, tờ bản đồ số 24 diện tích 1.650m² tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01245, ngày 05/01/2007 công nhận cho ông Nguyễn Văn X và vợ là bà Phạm Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 1144, tờ bản đồ số 24 diện tích 1.372m² tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01244, ngày 05/01/2007 công nhận cho ông Nguyễn Văn X¹ và vợ là bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 1146, tờ bản đồ số 24 diện tích 721m² tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01234, ngày 05/01/2007 công nhận cho ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Phan Thị L (Nguyễn Thị L) được quyền sử dụng thửa đất số 1145, tờ bản đồ số 24 diện tích 693m² tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên, các con của bà X3 và các con của ông X4 không được ông X chia đất. Đến năm 2008 ông N đại diện cho những người con của bà X3 yêu cầu các bị đơn phải trả diện tích 795m² trong tổng diện tích 5.571m² nêu trên cho các đồng thừa kế của bà T5.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện (nay là thị xã) T và TAND tỉnh Bình Dương đều bác yêu cầu khởi kiện của ông N vì cho rằng diện tích đất 5.571m² thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn X. Quyết định giám đốc thẩm số 305/2012/DS-GĐT ngày 06/7/2012 của Tòa án nhân dân tối cao đã hủy cả hai bản án nêu trên vì lý do đây không phải là quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất mà là tranh chấp di sản thừa kế.

Vì vậy, ông Nguyễn Thành N yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà Phan Thị T5 để lại theo quy định của pháp luật. Di sản gồm diện tích đất 5.571m² thuộc các thửa số 1228, 1170, 1166, 383, 1143, 1144, 1145, 1146 và 1147 đều thuộc tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, ông N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Phan Thị T5 theo quy định của pháp luật, ông N yêu cầu Tòa án chia cho chi thừa kế của bà Nguyễn Thị X3 (do ông N đại diện) kỹ phần thừa

kế bằng hiện vật là diện tích đất 795m² thuộc thửa 1144, tờ bản đồ số 24 hiện ông Nguyễn Văn X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Thành N đại diện theo ủy quyền cho các ông, bà Nguyễn Ngọc H4, Nguyễn Ngọc D1, Nguyễn Thành D2, Hồ Văn Tr, Nguyễn Thị Thu H5 thống nhất với lời trình bày của ông N, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày: Phần đất tranh chấp là của ông cố nội ông X để lại cho ông nội ông X là ông Nguyễn Văn M, ông M chết để lại lại cho cha ông X là ông Nguyễn Văn T6 nhưng đến khi ông X 8 tuổi thì ông T6 chết, ông X sống cùng mẹ ông nhưng mẹ ông bà Phan Thị T5 thường xuyên bị bệnh nên bản thân ông X là người trực tiếp sử dụng phần đất trên, đến năm 2000 thì bà T5 chết. Năm 2007, ông X tiến hành phân chia quyền sử dụng đất trên cho bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ch là những có công sức chăm sóc bà T5, ông X không đồng ý cho đất ông N vì ông N không có công chăm sóc nuôi dưỡng bà T5.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M là con ruột của bà Phan Thị T5 và ông Nguyễn Văn T6. Bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N vì nguồn gốc phần đất đang tranh chấp diện tích 5.571m² tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương là của ông X, ông X canh tác và sử dụng từ trước đến nay. Khi còn sống, bà T5 không canh tác trên phần đất tranh chấp vì sức khỏe của bà T5 rất yếu. Đến năm 2006, ông X phân chia đất cho bà M và những bị đơn khác là đúng quy định pháp luật, bà M và chồng là ông Nguyễn Văn X1 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia có diện tích 721m² thuộc thửa đất số 1146, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D là vợ của ông Nguyễn Văn X2, bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp diện tích 5.571m² tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương là của ông X, ông X canh tác và sử dụng từ trước đến nay vì khi còn sống sức khỏe của bà T5 rất yếu nên bà không có khả năng canh tác trên phần đất tranh chấp, vì vậy, đây là phần đất của ông X chứ không phải di sản thừa kế của bà T5. Năm 2006, ông X phân chia đất cho bà D và những bị đơn khác là đúng quy định pháp luật, bà D đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.650m² thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương. Hiện nay, bà D đã chuyển nhượng một phần diện tích đất nêu trên và chỉ quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại là 568m². Trên đất hiện có 01 căn nhà cấp 4 do bà D và ông P, bà G2 (Đ) đang sinh sống. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị G2 (tên gọi khác: Đ), bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn P thống nhất trình bày: Bà G2, bà L, ông P là con ruột của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn X2. Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của bà D, không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị B và ông Bô Văn T1 thống nhất trình bày: Bà B là con ruột của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn X2. Ông T2 là chồng của bà B, là con rể của bà D và ông X2. Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bà nội bà là bà Phan Thị T5 để lại. Sau khi bà T5 chết thì ông X chia đất cho bà D và những đồng thừa kế khác, sau đó bà D đã tặng cho lại bà Bé và ông T1 thửa đất số 1166, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương. Việc ông X chia đất và bà D tặng cho đất cho bà B và ông T1 là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông T1 và bà Bé đã chuyển nhượng thửa đất số 1166, tờ bản đồ 24 nêu trên cho ông Ch và ông T1, bà B không biết hiện nay ai đang quản lý, sử dụng thửa đất số 1166, tờ bản đồ 24 nêu trên. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà Ph là vợ của ông Nguyễn Văn X4 (đã chết năm 1972). Ông X4 và bà Ph có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim S2 và Nguyễn Hồng L2. Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của mẹ chồng bà Phán là bà Phan Thị T5 để lại, sau khi bà T5 chết thì ông X chia đất cho các đồng thừa kế của bà T5 nhưng không chia cho bà và các con của ông X4 cũng như các con của bà X3, tuy nhiên bà Ph không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Nguyễn Thị Kim S2 và Nguyễn Hồng L2 thống nhất trình bày: Bà S2 và bà L2 là con ruột của ông Nguyễn Văn X4 và bà Nguyễn Thị Ph. Bà S2 và bà L2 thống nhất với lời trình bày của bà Ph, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác: T), bà Nguyễn Thị Th thống nhất trình bày: Bà G và bà Th là con ruột của ông Nguyễn Văn B3 và bà Nguyễn Thị U, là chị ruột của ông Nguyễn Văn Ch. Bà G và bà Th không biết nguồn gốc phần đất ông Ch được tặng cho và việc ông Ch được tặng cho đất như thế nào thì bà G và bà Th cũng không biết. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T là con ruột của ông Nguyễn Văn B3 và bà Nguyễn Thị U, là anh ruột của ông

Nguyễn Văn Ch. Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bà nội ông T là bà Phan Thị T5 để lại, sau khi bà T5 chết, ông X chia đất cho ông Ch và các đồng thừa kế khác của bà T5 tuy nhiên ông T không có ý kiến gì và không tranh chấp. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đoàn Thị Th3 trình bày: Bà Th3 là vợ của ông Nguyễn Văn X1 (bà Th3 và ông X1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1975 nhưng không đăng ký kết hôn). Đối với việc tranh chấp di sản thừa kế giữa ông N với các bị đơn thì bà Th3 không có ý kiến gì và không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Phi C1, bà Nguyễn Ngọc Minh C2 thống nhất trình bày: Ông Phi C1 và bà Minh C2 là con của ông Nguyễn Văn X1 và bà Đoàn Thị Th3. Đối với việc tranh chấp di sản thừa kế giữa ông N với các bị đơn thì các ông, bà không có ý kiến gì và không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị H8, bà Trần Thị T5 thống nhất trình bày: Bà H8 và bà T5 là con của ông Nguyễn Văn X1 và bà Trần Thị M1 (bà M1 và ông X1 chung sống với nhau như vợ chồng từ trước năm 1975 nhưng không đăng ký kết hôn). Đối với việc tranh chấp di sản thừa kế giữa ông N với các bị đơn thì các bà không có ý kiến gì và không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1 thống nhất trình bày: Bà H, bà H1 cùng các ông, bà Nguyễn Thị Ng và Nguyễn Văn H2 là con ruột của ông X1 và bà M. Ông X1 và bà M là chủ sử dụng hợp pháp của diện tích đất 721m² thuộc thửa đất số 1146, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương. Với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông X1 thì bà H và bà H1 không có ý kiến gì, không có tranh chấp gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị V, ông Lê Văn P1 thống nhất trình bày: Trước đây bà V và chồng là ông Lê Văn P1 có nhận chuyển nhượng thửa đất số số 1147 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương từ ông Nguyễn Văn X. Bà V và ông P1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Tuy nhiên, năm 2016 bà V và ông P1 đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Bảo Y nên bà V và ông P1

không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Bảo Y trình bày: Bà Y nhận chuyển nhượng thửa đất số 1147 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương từ bà Nguyễn Thị V cùng chồng bà là ông Lê Văn P1 vào ngày 21/4/2016 thông qua sự giới thiệu của ông Lê Văn Đ. Hai bên có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng U vào ngày 21/4/2016, giá chuyển nhượng trong Hợp đồng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà Y đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 349852, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06383 ngày 14/6/2016 cho bà Nguyễn Bảo . Khi nhận chuyển nhượng, bà Y không biết thửa đất trên đang có tranh chấp vì bà V có cho bà Y xem giấy xác nhận tình trạng bất động sản đối với thửa đất nêu trên, tin tưởng đất không có tranh chấp nên bà Y mới đồng ý nhận chuyển nhượng. Đây là tài sản riêng của bà Y, bà Y đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Y vì bà Y nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp. Do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Chủ Văn Đ trình bày: Vào khoảng năm 2007-2008, ông Đ có nhận chuyển nhượng diện tích đất 381m² thuộc thửa đất số 1170, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương thông qua Công ty TNHH Địa ốc H (Công ty môi giới bất động sản). Năm 2009 ông Đ đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 748375, số vào sổ H 04277 do cấp ngày 08/01/2009 công nhận cho ông Đ được quyền sử dụng thửa đất 1170 nêu trên. Đây là tài sản riêng của ông Đ, ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N vì ông Đ nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên hoàn toàn hợp pháp. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên ông Đ ủy quyền cho bà Trương Thị Băng Th1 tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Hoàng L3 và bà Dương Thị B1 thống nhất trình bày: Vào tháng 6 năm 2012, ông L3 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 390m² thuộc thửa đất số 1228, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương từ ông Nguyễn Văn Ch và bà Đỗ Thị H3. Ông L3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là hợp pháp và đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 757050, số vào sổ CH 02440 ngày 02/8/2012. Ngoài ra vào năm 2014, ông L3 còn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 316m² thuộc thửa 1143, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương từ bà Trương Thị Thu H6 và đã được UBND huyện (nay

là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 313655, số vào sổ CH 03887 ngày 12/3/2014. Đây đều là tài sản chung của vợ chồng ông L3 và bà B1 nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà. Do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng, bà B1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Mã Văn Ng1 và bà Chiu Sây L4 thống nhất trình bày: Vào ngày 15/4/2010, ông Ng1 và bà L4 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 129,6m² (ngang 6m, dài 21,6m) thuộc một phần thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Ch và bà Đỗ Thị H3, tuy nhiên hai bên chỉ làm giấy tay mà chưa thực hiện việc xin tách thửa đến tháng 9/2010, vợ chồng ông Ng1, bà L4 đã xây dựng một nhà ở trên đất để sinh sống. Ông Ng1, bà L4 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà. Do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng, ông Ng1 và bà L4 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trương Văn T3 và bà Phạm Thị H7 thống nhất trình bày: Vào năm 2010, vợ chồng ông T3 và bà H7 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 250m² thuộc một phần thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Ch và bà Đỗ Thị H3, tuy nhiên hai bên chỉ làm giấy tay mà chưa thực hiện việc xin tách thửa. Ông T3 và bà H7 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà. Do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng, ông T3 và bà H7 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Kh và bà Trương Thị Thu H6 thống nhất trình bày: Bà H6 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 316m² thuộc thửa 1143, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương từ ông Nguyễn Văn Ch và bà Đỗ Thị H3 vào năm 2012. Bà H6 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là hợp pháp và đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 757049, số vào sổ CH 02441 ngày 02/8/2012. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Kh và bà H6. Tuy nhiên sau đó ông Kh và bà H6 đã chuyển nhượng tiếp quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông Trần Hoàng L3 nên bà H6, ông Kh không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng, ông Kh và bà H6 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Văn T4 và bà Đỗ Thị B2 thống nhất trình bày: Ông T4 và bà B2 là chủ sử dụng thửa đất số 1116, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương giáp ranh với các thửa đất đang tranh chấp giữa ông N với các bị đơn. Ranh giới giữa thửa đất của ông T4, bà B2 với đất đang tranh chấp giữa các đương sự là

tường rào xây gạch do vợ chồng ông xây dựng năm 2016. Ông T4, bà B2 thống nhất về ranh và không tranh chấp gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị H8 thống nhất trình bày: Bà H8 là chủ sử dụng thửa đất số 380, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương giáp ranh với các thửa đất đang tranh chấp giữa ông N với các bị đơn. Ranh giới giữa thửa đất của bà H8 với đất đang tranh chấp giữa các đương sự là hàng rào kẽm gai do bà V xây dựng, bà H8 thống nhất về ranh và không tranh chấp gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn Nh thống nhất trình bày: Ông Phạm Văn Nh là con của bà Nguyễn Thị B4 (chết), bà B4 là chủ sử dụng thửa đất số 385, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương giáp ranh với các thửa đất đang tranh chấp giữa ông N với các bị đơn, bà B4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 385 nêu trên. Tuy nhiên sau khi bà B4 chết thì các con của bà B4 thỏa thuận giao thửa đất 385 nêu trên cho ông Nh quản lý, sử dụng. Ranh giới giữa thửa đất số 385 với đất đang tranh chấp giữa các đương sự là hàng rào lưới B40, trụ bê tông do ông Nh xây dựng năm 2016, ông Nh thống nhất về ranh và không tranh chấp gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn L5 và bà Đoàn Thị Quỳnh Gi thống nhất trình bày: Ông L5 và bà Gi là chủ sử dụng thửa đất số 1169, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương giáp ranh với các thửa đất đang tranh chấp giữa ông N với các bị đơn. Ranh giới giữa thửa đất của ông L5, bà Gi với đất đang tranh chấp giữa các đương sự là tường rào xây gạch do ông X và bà B xây dựng. Ông L5 và bà Gi thống nhất về ranh và không tranh chấp gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Văn Đ1 trình bày: Ông Đ1 là chủ sử dụng thửa đất số 479, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương giáp ranh với các thửa đất đang tranh chấp giữa ông N với các bị đơn. Ranh giới giữa thửa đất của ông với đất đang tranh chấp giữa các đương sự là hàng móng gạch lưới B40, trụ bê tông do ông Đ1 xây dựng năm 2017. Ông Đ1 thống nhất về ranh và không tranh chấp gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, do bận việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trương Thị S1 trình bày: Bà S1 là chủ sử dụng thửa đất số 1159, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương giáp ranh với các thửa đất đang tranh chấp giữa ông N với các bị đơn. Ranh giới giữa thửa đất của bà với đất đang tranh chấp giữa các đương sự là tường nhà xây của bà S1. Bà S1 thống nhất về ranh và không tranh chấp gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1143, 1144, 1147, 1146, 1145, 383 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01247 ngày 05/01/2007 cho ông Nguyễn Văn Ch và bà Đỗ Thị H3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01237 ngày 05/01/2007 cho bà Nguyễn Thị D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01245 ngày 05/01/2007 cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01243 ngày 05/01/2007 cho bà Phan Thị L (Nguyễn Thị L) và ông Nguyễn Văn C) đều trên cơ sở công nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng theo trình tự quy định tại Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai. Nguồn gốc đất theo đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận là cha, mẹ để lại năm 1975 đến nay. Diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đo đạc thực tế, căn cứ theo bản trích đo bản đồ lập ngày 06/11/2006.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1228, 1170, 1166 (tách ra từ thửa 383), tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương được thực hiện theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 152 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các ông, bà Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị D, Phan Thị L (Nguyễn Thị L) thì UBND xã (nay là phường) T đều xác nhận “đất không có tranh chấp”. Việc nguyên đơn cho rằng khi đất đang có tranh chấp nhưng UBND thị xã T vẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1143, 1144, 1147, 1146, 1145, 383, 1228, 1170, 1166 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương thì UBND thị xã T không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, do bản việc riêng không có điều kiện tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, bà Đỗ Thị H3, bà Phan Thị D, ông Phạm Việt Ch1, Văn phòng Công chứng Trần Hữu Đ, Văn phòng công chứng Trần Thanh V, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông X1 là bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Văn H2, người đại diện theo ủy quyền của ông Chủ Văn Đả là bà Trương Thị Băng Th1 đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu

tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các ông, bà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Đại diện hợp pháp của UBND phường T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Phần đất tranh chấp bị đơn đã thừa nhận có nguồn gốc của bà Phan Thị T5, bà T5 chết không để lại di chúc cho nên di sản sẽ được chia theo pháp luật. Các bị đơn tự ý phân chia quyền sử dụng đất theo ý kiến của ông Nguyễn Văn X là không đúng quy định cho nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, bà Đỗ Thị H3, bà Phan Thị D, ông Phạm Việt Ch1, Văn phòng Công chứng Trần Hữu Đ, Văn phòng công chứng Trần Thanh V, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông X1 là bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Văn H2, người đại diện theo ủy quyền của ông Chủ Văn Đ là bà Trương Thị Băng Th1 đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các ông, bà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo qui định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T6 (chết trước năm 1975- không rõ thời gian cụ thể), bà Phan Thị T5 chết năm 2000, vụ việc còn trong thời hiệu thừa kế theo qui định tại Điều 623 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Lời trình bày của các đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống như sau: Cụ Phan Thị T5 (bà ngoại của ông N, chết năm 2000) có chồng tên Nguyễn Văn T6 (chết trước năm 1975), ông T6 và bà T5 có 07 người con gồm:

1. Ông Nguyễn Văn B3 đã chết năm 1968, có vợ là bà Nguyễn Thị U (đã chết năm 1998). Ông B và bà U có 05 người con gồm: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị G (tên gọi khác: T), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Ch;

2. Ông Nguyễn Văn X2 đã chết năm 1994, ông X2 có vợ là bà Nguyễn Thị D. Ông X2 và bà D có 05 người con gồm: Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn T7 (chết lúc chưa có vợ con), Nguyễn Thị Đ2 (chết lúc chưa có chồng con), Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị G2 (Đ) và Nguyễn Thị B;

3. Bà Nguyễn Thị X3 đã chết năm 2002, bà X3 có chồng là ông Nguyễn Văn H9 đã chết năm 2010. Bà X3 và ông H9 có 05 người con gồm: Nguyễn Ngọc H4, Nguyễn Thành N (nguyên đơn), Nguyễn Ngọc D1, Nguyễn Thành D2 và Nguyễn Thành T2 (ông T2 đã chết năm 2013, chết lúc chưa có vợ con);

4. Ông Nguyễn Văn X4 đã chết năm 1972. Ông X4 có vợ tên Nguyễn Thị Ph. Ông X4 và bà Ph có 02 người con tên Nguyễn Thị Kim S2 và Nguyễn Hồng L2;

5. Ông Nguyễn Văn X;

6. Bà Nguyễn Thị M;

7. Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Phan Thị L).

[2] Phần đất tranh chấp 5.571m² thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã P, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương) ông Nguyễn Văn N trình bày có nguồn gốc của bà Phan Thị T5, ông Nguyễn Văn X (con ruột của bà T5) quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007, ông X tiến hành thủ tục tách thửa và cho đất cho các ông, bà như sau:

- Ông Nguyễn Văn Ch và vợ là bà Đỗ Thị H3 (ông Ch là con của ông Nguyễn Văn B3 đã chết năm 1968) được quyền sử dụng diện tích đất 706m² thửa 1143, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01247, ngày 05/01/2007 công nhận cho ông Nguyễn Văn Ch và vợ là bà Đỗ Thị H3. Ngày 20/6/2013, ông Ch, bà H3 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H6 diện tích 316m², thửa 1143 tờ bản đồ 24, bà Hà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02441 ngày 02/8/2012 đến ngày 16/12/2013, bà H6 chuyển nhượng cho ông Trần Hoàng L3 toàn bộ thửa đất, ông Liêm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03887 ngày 12/3/2014. Diện tích đất còn lại 390m² được tách thành thửa 1228, tờ bản đồ số 24, ông Ch, bà H3 chuyển nhượng cho ông L3, ông Trần Hoàng L3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02440 ngày 02/8/2012.

- Bà Nguyễn Thị D (vợ của ông Nguyễn Văn X2) được quyền sử dụng diện tích đất 1.650m² thuộc một phần của thửa 383, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bà D được UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01237, ngày 05/01/2007. Ngày 20 tháng 7 năm 2007, bà Nguyễn Thị D tách thửa ký hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị B diện tích đất 701m² thuộc thửa 1166, tờ bản đồ 24, bà B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01822 ngày 30/7/2007. Ngày 05/12/2007, bà Nguyễn Thị D đã chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 381m² thuộc thửa đất số 1170 (tách từ thửa 383), tờ bản đồ 24 cho bà Ngô Thị Bích V1

theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được UBND xã (nay là phường) T chứng thực số 1047/2007, quyền số 02TP/CC-SCT/HĐGD ngày 05/12/2007. Sau đó, bà Ngô Thị Bích V1 chuyển nhượng quyền sử dụng thửa 1170 cho ông Chủ Văn Đ, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã (nay là phường) T chứng thực số 1083/2008, quyền số 03TP/CC-SCT/HĐGD ngày 11/12/2008. Diện tích bà D sử dụng còn lại là 568m² thuộc thửa 383, tờ bản đồ 24.

- Ông Nguyễn Văn X và vợ là bà Phan Thị D được quyền sử dụng thửa đất số 1144 diện tích 1.372m² và thửa 1147 diện tích 425m² đều thuộc tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ông X và bà D đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01245, ngày 05/01/2007. Năm 2012, ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1147, tờ bản đồ 24 cho bà Nguyễn Thị V theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đã được Văn phòng công chứng T công chứng số 3561, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/4/2012. Sau đó, bà Nguyễn Thị V và chồng là ông Lê Văn P1 chuyển nhượng quyền sử dụng thửa 1147 cho bà Nguyễn Bảo Y, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng U (nay là Văn phòng công chứng Trần Hữu Đ) công chứng số 1870, quyền số 04/2016-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/4/2016. Hiện nay thửa đất số 1147 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 349852, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06383 ngày 14/6/2016 cho bà Nguyễn Bảo Y.

- Ông Nguyễn Văn X1 và vợ là bà Nguyễn Thị M sử dụng diện tích 721m² thuộc thửa đất số 1146, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương đã được UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01244, ngày 05/01/2007.

- Ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Phan Thị L) sử dụng diện tích 693m² thuộc thửa đất số 1145, tờ bản đồ số 24 đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01234, ngày 05/01/2007. Năm 2017, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C đã chuyển nhượng quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 1145 tờ bản đồ 24 cho ông Phạm Việt Ch1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 010974, quyền số 03-TP-CC – SCC/HĐGD ngày 03/11/2017 tại Văn phòng công chứng Trần Thanh V. Hiện nay thửa 1145 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 372852, số vào sổ CS08769 ngày 08/12/2017 cho ông Phạm Việt Ch1.

[3] Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn xác định diện tích đất 5.571m² trước đây thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã P (nay là phường T), huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương là của bà Phan Thị T5 sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T5 chết vào năm 2000 không để lại di chúc cho nên nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của bà T5 theo quy định

của pháp luật, nguyên đơn đại diện cho chi thừa kế của bà Nguyễn Thị X3 yêu cầu nhận bằng hiện vật với diện tích đất là 795m². Các bị đơn cho rằng phần đất có nguồn gốc của cha mẹ chồng bà T5 để lại cho chồng bà T5 là ông Nguyễn Văn 6, do bà T5 sức khỏe yếu cho nên ông X trực tiếp sử dụng từ khi ông T6 chết cho đến nay nên phần đất này là của ông X không phải là di sản của bà T5, việc ông X cho các bị đơn mỗi người một phần đất là đúng, do vậy các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, lời trình bày của các đương sự thống nhất về nguồn gốc đất do cha chồng bà T5 để lại cho chồng bà T5 là ông Nguyễn Văn T6. Bị đơn ông Nguyễn Văn X khẳng định ông T6 chết từ trước năm 1975 khi ông X được 8 tuổi. Ông X cho rằng tại thời điểm này do sức khỏe của bà T5 yếu nên không canh tác sử dụng đất mà để ông X canh tác, xét lời trình bày của ông X là không thể chấp nhận vì tại thời điểm này ông X còn rất nhỏ (8 tuổi) không thể trực tiếp canh tác, sử dụng đất. Do đó, có cơ sở xác định phần đất trên có nguồn gốc là của cha ông Nguyễn Văn T6 để lại cho vợ chồng ông T6, bà T5, ông T6 chết trước năm 1975, bà T5 tiếp tục canh tác đến khi bà T5 chết vào 2000, trên đất còn có nhà của bà T5 (hiện tại còn nền móng do ông X đã tháo dỡ). Tại thời điểm bà T5 chết thì bà T5 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T5 cũng không có giấy tờ đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đây là phần đất thực tế bà T5 sử dụng cho đến khi mất và chưa định đoạt cho ai. Bị đơn ông X cho rằng ông trực tiếp canh tác, quản lý sử dụng đối với thửa đất trên nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc ông đã đăng ký, đóng thuế đối với phần đất tranh chấp tại thời điểm bà T5 còn sống, không có chứng nào thể hiện ông X được bà T5, ông T6 định đoạt tặng cho phần đất này cho ông X. Thực tế, sau khi ông M chết thì bà T5 tiếp tục quản lý tài sản chung của vợ chồng, ông X chỉ mới 8 tuổi, bà T5 còn đang trực tiếp nuôi dưỡng ông X thì không thể nào ông X thay thế bà T5 sử dụng đất, không có căn cứ nào xác định phần đất trên trở thành tài sản của ông X. Do vậy, có căn cứ xác định diện tích trên có nguồn gốc của ông T6, bà T5. Việc này cũng phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn X trong các biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2007, 31/8/2007 của UBND xã (nay là phường) T và lời khai trình bày về nguồn gốc đất trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền cho các bị đơn đều xác định nguồn gốc đất là của bà Phan Thị T5. Khi còn sống bà T5 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T5 cũng không có các giấy tờ về đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 nhưng có căn cứ xác định sau khi ông T6 chết thì bà T5 là người sử dụng đất ổn định, lâu dài và liên tục cho đến ngày bà T5 mất, việc sử dụng đất của bà T5 phù hợp với quy định Điều 2 Luật đất đai 1993, đồng thời tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2006 thì bị đơn ông Nguyễn Văn X cũng xác định trên đất có ngôi nhà tạm cũ. Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất trên là di sản của ông T6, bà T5 theo qui định tại điểm 1.3 Mục 1 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ông T6, bà T5 chết không để lại di chúc nên di sản sẽ được chia thừa kế theo qui định của pháp luật.

[4] Bà Nguyễn Thị X3 chết năm 2002, sau thời điểm người để lại di sản chết, các con của bà X3 là thừa kế chuyển tiếp của bà X3 cho nên việc ông X tự ý tách thửa đất phân chia cho các đồng thừa kế của bà T5 nhưng không có sự đồng ý của những người thừa kế thuộc chi thừa kế của bà Nguyễn Thị X3, ông Nguyễn Văn X4 là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế của bà X3, ông X4. Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Thành N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[5] Quyền sử dụng đất trên là di sản của ông T6, bà T5 được chia theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi ông T6 mất, ông X là con trai út của ông T6, bà T5 sống cùng bà T5, cùng canh tác, sử dụng diện tích đất trên trong thời trên 30 năm, ông X có công sức đóng góp, tôn tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất và sau khi bà T5 mất ông X có công giữ gìn di sản cho nên trước khi chia di sản thừa kế thì cần thiết phải trích công sức đóng góp, giữ gìn quản lý di sản của ông X là 20% giá trị di sản.

[6] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thành N yêu cầu chia di sản bằng hiện vật với diện tích 792m² tuy nhiên, phần đất tranh chấp các bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Trình tự thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng theo qui định của pháp luật, tại thời điểm nhận chuyển nhượng những người này không biết đất đang tranh chấp, việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng là ngay tình, cần thiết phải bảo vệ người thứ ba ngay tình theo qui định tại Điều 133 Bộ luật dân sự 2015 cho nên không thể chia bằng di sản thừa kế bằng hiện vật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chia thừa kế bằng giá trị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã T trung cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T tiến hành đo đạc xác định diện tích đất tranh chấp thực tế là 5.526,4m² nhưng các bị đơn vắng mặt không tham gia tiến hành thẩm định tại chỗ, việc đo đạc là theo sự chỉ ranh của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N cho nên không thể xác định ranh giới thực tế các bị đơn sử dụng và ranh giới các thửa đất bị đơn chuyển nhượng nên cần xác định di sản là diện tích đất các đương sự được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thành N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được chia thừa kế 795m² tính trên diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.571m². Như vậy, diện tích trên sau khi khấu trừ công sức đóng góp, quản lý di sản của ông X là 20% tương ứng với 1.114,2m², diện tích còn lại là 4.456,8m² chia đều cho 07 chi thừa kế của ông T6, bà T5 thì mỗi chi thừa kế được hưởng 636,7m². Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế bằng giá trị, ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn X đã được chia đất vào năm 2007, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, sau khi khấu trừ phần thừa kế được hưởng thì phải thanh toán lại giá trị phần thừa kế cho các thừa kế khác của ông T6, bà T5, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Ch, bà Đỗ Thị H3 được quyền sử dụng diện tích đất 706m² thuộc thửa số 1143, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01247, ngày 05/01/2007. Phần đất trên ông Ch đã chuyển nhượng cho ông Trần Hoàng L3 thửa 1228, diện tích 390m², chuyển nhượng cho bà Trương Thị Thu H6 thửa 1143, diện tích 316m² (bà Hà và chồng là ông Nguyễn Văn Kh đã chuyển nhượng thửa 1143 cho ông Trần Hoàng L3) nên ông Nguyễn Văn Ch, bà Đỗ Thị H3 phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế còn lại của ông Nguyễn Văn B3 gồm: Bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác: Tư), ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn S mỗi người 191.010.000 đồng. Đồng thời phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 34.650.000 đồng (giá trị của 69,3m² đất).

- Bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 1.650m² thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 24 tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01237, ngày 05/01/2007. Bà D đã tách thửa chuyển nhượng cho bà Ngô Thị Bích V1 diện tích 381m² thuộc thửa 1170 (bà Vân đã chuyển nhượng tiếp thửa 1170 cho ông Chủ Văn Đã); tặng cho bà Nguyễn Thị B diện tích 701m² (thửa 1166) nên bà D được sử dụng tích đất còn lại là 568m² (thửa 383). Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản cho các thừa kế còn lại của ông Xi, các thừa kế của bà X3 và các thừa kế của ông Xạt như sau:

+ Thanh toán cho những người thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X2 gồm: bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị G2 (Đ) và bà Nguyễn Thị B mỗi người số tiền là 191.010.000 đồng;

+ Thanh toán cho chi thừa kế của bà Nguyễn Thị X3 gồm: bà Nguyễn Ngọc H4, ông Nguyễn Thành N, bà Nguyễn Ngọc D1, ông Nguyễn Thành D2 mỗi người 238.762.500 đồng;

+ Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 188.300.000 đồng (giá trị của 376,6m² đất).

- Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 725m² thuộc thửa số 1146, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01244, ngày 05/01/2007 cấp cho ông Nguyễn Văn X1 và vợ là bà Nguyễn Thị M.

Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 44.150.000 đồng (giá trị của 88,3m² đất).

- Bà Nguyễn Thị L (Phan Thị L) và ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng diện tích đất 693m² thuộc thửa đất số 1145, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01234, ngày 05/01/2007. Bà L, ông C đã

chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông Phạm Việt Ch1 cho nên Bà L, ông C có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 28.150.000 đồng (giá trị của 56,3m² đất).

- Ông Nguyễn Văn X và bà Phan Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 1.797m² thuộc các thửa 1144, 1147 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01245, ngày 05/01/2007. Ông X, bà H3 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị V thửa đất 1147 (thửa 1147 bà V đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Bảo Y), ông X được quyền sử dụng diện tích đất còn lại thuộc thửa 1144, tờ bản đồ số 24 cho nên ông X có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 23.050.000 đồng (giá trị của 46,1m² đất).

Từ những phân tích trên, xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N;

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 14.774.000 đồng. Ông N đã tạm ứng; ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L (Phan Thị L) mỗi người phải nộp 2.462.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thành N.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 147; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 266, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Áp dụng:

- Các Điều 674, 676, 685, 733, 734 Bộ luật dân sự 2005,
- Các Điều 133, 623 Bộ luật dân sự 2015,
- Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn Ch, bà

Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L (Phan Thị L) về việc tranh chấp di sản thừa kế như sau:

1.1 Xác định diện tích đất 5.571m^2 thuộc các thửa 1143, 1147, 1228, 1144, 383, 1145, 1146, 1147, 1116, 1146 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương là di sản của ông Nguyễn Văn T6, bà Phan Thị T5;

1.2 Chia di sản của ông Nguyễn Văn T6, bà Phan Thị T5 nêu trên theo pháp luật như sau: Trích công sức giữ gìn di sản cho ông Nguyễn Văn X là 20% giá trị di sản, tương ứng với $5.571\text{m}^2 \times 20\% = 1.114,2\text{m}^2$.

Diện tích còn lại là $5.571\text{m}^2 - 1.114,2\text{m}^2 = 4.456,8\text{m}^2$ chia đều bằng giá trị cho 07 chi thừa kế, ông X được quyền sử dụng $1.750,9\text{m}^2$ (có giá trị 2.626.350.000 đồng) và mỗi chi thừa kế còn lại được chia $955.050.000$ đồng (tương ứng với diện tích $636,7\text{m}^2$), cụ thể như sau:

1.2.1 Ông Nguyễn Văn Ch và bà Đỗ Thị H3 được quyền sử dụng diện tích đất 706m^2 thuộc thửa số 1143, tờ bản đồ 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01247, ngày 05/01/2007. Phần đất trên ông Ch đã chuyển nhượng cho ông Trần Hoàng L3 thửa 1228, diện tích 390m^2 ; chuyển nhượng cho bà Trương Thị Thu H6 thửa 1143, diện tích 316m^2 (bà H6 và chồng là ông Nguyễn Văn Kh đã chuyển nhượng thửa 1143 cho ông Trần Hoàng L3) nên ông Nguyễn Văn Ch, bà Đỗ Thị H3 phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế còn lại của ông Nguyễn Văn B3 và những người thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4 như sau:

- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác: T), ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn S mỗi người $191.010.000$ đồng (Một trăm chín mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng);

- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người $34.650.000$ đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

1.2.2 Bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 1.650m^2 thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 24 tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01237, ngày 05/01/2007. Bà D đã tách thửa chuyển nhượng cho bà Ngô Thị Bích V1 diện tích 381m^2 thuộc thửa 1170 (bà Vân đã chuyển nhượng tiếp thửa 1170 cho ông Chủ Văn Đ); tặng cho bà Nguyễn Thị B diện tích 701m^2 (thửa 1166) nên bà D được sử dụng tích đất còn lại là 568m^2 (thửa 383) cho nên bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản cho các thừa kế còn lại của ông X2, các thừa kế của bà X3 và các thừa kế của ông X4 như sau:

+ Thanh toán cho những người thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4 gồm: bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị G (Đ) và bà Nguyễn Thị B mỗi người số tiền là $191.010.000$ đồng (Một trăm chín mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng).

+ Thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc H4, ông Nguyễn Thành N, bà Nguyễn Ngọc D1, ông Nguyễn Thành D2 (thuộc chi thừa kế của bà Nguyễn Thị X3) mỗi người 238.762.500 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

+ Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 188.300.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).

1.2.3 Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 725m² thuộc thửa số 1146, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01244, ngày 05/01/2007 cấp cho ông Nguyễn Văn X1 và vợ là bà Nguyễn Thị M.

Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 44.150.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

1.2.4 Bà Nguyễn Thị L (Phan Thị L) và ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng diện tích đất 693m² thuộc thửa đất số 1145, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01234, ngày 05/01/2007. Bà L, ông C đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông Phạm Việt Ch1 cho nên Bà L, ông C có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 28.150.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

1.2.5 Ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 1.797m² thuộc các thửa 1144, 1147 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01245, ngày 05/01/2007. Ông X, bà D đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị V thửa đất 1147 (thửa 1147 bà V đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Bảo Y), ông X và bà D được quyền sử dụng diện tích đất còn lại thuộc thửa 1144, tờ bản đồ số 24; ông X và bà D có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 (thuộc chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4) mỗi người 23.050.000 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thanh toán số tiền phải trả thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian, số tiền chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật.

3. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị L (Phan Thị L) mỗi người phải nộp 2.462.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thành N.

4. Về án phí:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thành N; bà Nguyễn Ngọc H4, bà Nguyễn Ngọc D1, ông Nguyễn Thành D2 mỗi người phải nộp số tiền 9.550.500 đồng. Ông Nguyễn Thành N được khấu trừ số tiền 3.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002064 ngày 28/01/2008 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) T, ông N còn phải nộp số tiền 6.050.500 đồng;

- Ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị L (Phan Thị L) được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Nguyễn Văn Ch và các chi thừa kế của ông Nguyễn Văn B3 gồm bà Nguyễn Thị G (tên gọi khác: T), ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn S mỗi người phải nộp số tiền 9.550.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

- Các chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X2 gồm bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị G2 (Đ) và ông Nguyễn Văn P mỗi người phải nộp số tiền 9.550.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Các chi thừa kế của ông Nguyễn Văn X4 gồm bà Nguyễn Thị Kim S2 và bà Nguyễn Hồng L2 mỗi người phải nộp số tiền 15.915.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Phá được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tấn Tâm